

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ -  
Thương mại Ngọc Nghĩa**

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2013



## **Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa**

### **Báo cáo của Hội đồng Quản trị**

Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa trình bày báo cáo của Hội đồng Quản trị và báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

#### **Thông tin về Công ty**

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh 18 lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0301427028 ngày 20 tháng 7 năm 2011.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh có giá trị trong thời hạn không xác định.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lô IV - 22, Đường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông La Văn Hoàng	Chủ tịch
	Bà La Bùi Hồng Ngọc	Phó Chủ tịch
	Bà Bùi Bích Hồng	Thành viên
	Ông La Hoài Nam	Thành viên
	Ông La Bùi Hoàng Nghĩa	Thành viên (từ ngày 24 tháng 4 năm 2013)
	Ông Jean-Eric Jacquemin	Thành viên (đến ngày 21 tháng 11 năm 2013)
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Ông La Văn Hoàng	Tổng Giám đốc
	Bà La Bùi Hồng Ngọc	Phó Tổng Giám đốc Kinh doanh & Quan hệ Đối ngoại
	Bà Nguyễn Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc Tài chính và Đầu tư
	Ông La Bùi Hoàng Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc Tiếp thị
	Bà Nguyễn Bạch Kim Vy	Phó Tổng Giám đốc Nhân sự
	Bà Đào Thị Thuận	Phó Tổng Giám đốc Cung ứng và Điều vận
	Bà Nguyễn Thị Châu	Giám đốc Quản trị Rủi Ro
	Ông Đặng Thái Bình	Giám đốc pháp chế

#### **Kết quả hoạt động và cổ tức**

Lỗ thuần cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 277.659.602.706 VND (2012: lợi nhuận thuần 73.302.441.346 VND). Trong năm, Công ty công bố cổ tức là 52.250.000.000 VND (2012: Không).

#### **Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán cần điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính này.

#### **Đơn vị kiểm toán**

Đơn vị kiểm toán của Công ty là Công ty TNHH KPMG.

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa**  
**Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)**

**Tuyên bố trách nhiệm của Hội đồng Quản trị về báo cáo tài chính**

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm. Khi lập các báo cáo tài chính, Hội đồng Quản trị phải:

- Chọn các nguyên tắc kế toán phù hợp và áp dụng các nguyên tắc này một cách thích hợp;
- Đưa ra đánh giá và ước tính hợp lý và thận trọng;
- Tuyên bố việc tuân thủ các nguyên tắc kế toán, trừ những ngoại lệ đã được thuyết minh và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính theo giả định hoạt động liên tục trừ khi giả định này không còn phù hợp.

Hội đồng Quản trị xác nhận Công ty đã tuân theo những yêu cầu trên trong việc lập các báo tài chính.

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo việc ghi chép kế toán đúng sổ sách kế toán của Công ty và những sổ sách này cung cấp một cách tương đối chính xác thông tin tài chính của Công ty tại mọi thời điểm. Hội đồng Quản trị cũng có trách nhiệm bảo vệ tài sản của Công ty và do đó có trách nhiệm thực hiện các bước hợp lý nhằm ngăn ngừa và phát hiện những gian lận và bất thường.

**Phê duyệt báo cáo tài chính riêng**

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính riêng đính kèm, báo cáo tài chính này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Thay mặt Hội đồng Quản trị:

Là Văn Hoàng  
Chủ tịch

Ngày 20 tháng 3 năm 2014



## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông**

#### **Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 20 tháng 3 năm 2014, được trình bày từ trang 5 đến trang 49.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của đơn vị kiểm toán**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số: 4114000230

Báo cáo kiểm toán số: 13-01-101



Lâm Thị Ngọc Hào

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0866-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thanh Nghị

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0304-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2014

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013**

Mẫu B 01 – DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> <b>(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>791.523.671.484</b>	<b>785.088.827.992</b>
<b>Tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>57.619.034.740</b>	<b>19.482.543.455</b>
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>388.800.000.000</b>	<b>530.985.619.136</b>
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121		573.655.000.000	530.985.619.136
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	129		(184.855.000.000)	-
<b>Phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>7</b>	<b>224.228.533.048</b>	<b>177.853.670.488</b>
Phải thu khách hàng	131		120.351.758.900	68.440.525.884
Trả trước cho người bán	132		3.679.602.233	2.426.455.344
Phải thu khác	135		150.778.480.664	106.986.689.260
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(50.581.308.749)	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>74.767.495.013</b>	<b>47.861.002.195</b>
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>46.108.608.683</b>	<b>8.905.992.718</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		7.757.786.358	6.016.765.321
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		26.217.965.511	2.868.750.483
Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	154	<b>9</b>	12.132.856.814	20.476.914

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính riêng này*

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
<b>Tài sản dài hạn</b> <b>(200 = 210 + 220 + 250 + 260)</b>	<b>200</b>		<b>833.824.700.648</b>	<b>892.443.435.129</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>5.207.286.106</b>	<b>6.917.820.623</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>488.410.964.663</b>	<b>527.968.880.089</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	146.898.898.614	133.097.353.462
<i>Nguyên giá</i>	222		372.952.212.761	333.029.262.665
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(226.053.314.147)	(199.931.909.203)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	11	112.352.211.755	164.760.957.518
<i>Nguyên giá</i>	225		146.613.384.184	197.840.044.133
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(34.261.172.429)	(33.079.086.615)
Tài sản cố định vô hình	227	12	218.522.259.016	219.525.384.311
<i>Nguyên giá</i>	228		225.198.768.974	225.221.754.638
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(6.676.509.958)	(5.696.370.327)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	13	10.637.595.278	10.585.184.798
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>14</b>	<b>292.805.724.000</b>	<b>357.085.724.000</b>
Đầu tư vào công ty con	251		426.085.724.000	357.085.724.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(133.280.000.000)	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>47.400.725.879</b>	<b>471.010.417</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	33.447.790.390	471.010.417
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	13.952.935.489	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> <b>(270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.625.348.372.132</b>	<b>1.677.532.263.121</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính riêng này*



**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>1.085.049.523.300</b>	<b>807.323.811.583</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.001.961.795.749</b>	<b>641.707.928.953</b>
Vay ngắn hạn	311	17	557.124.643.064	486.035.413.885
Phải trả người bán	312	18	230.720.267.853	101.123.815.203
Người mua trả tiền trước	313		169.516.300.816	34.929.862.890
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	19	466.068.224	447.581.529
Phải trả người lao động	315		22.261.840	11.518.100
Chi phí phải trả	316	20	5.380.185.279	13.111.275.980
Các khoản phải trả khác	319	21	36.748.681.821	4.065.074.514
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		1.983.386.852	1.983.386.852
<b>Vay và nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>83.087.727.551</b>	<b>165.615.882.630</b>
Vay và nợ dài hạn	334	22	83.087.727.551	165.615.882.630
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>540.298.848.832</b>	<b>870.208.451.538</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>23</b>	<b>540.298.848.832</b>	<b>870.208.451.538</b>
Vốn cổ phần	411	24	522.500.000.000	522.500.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		46.900.000.000	46.900.000.000
Cổ phiếu quỹ	414	24	(780.000)	(780.000)
Quỹ dự phòng tài chính	418	25	10.973.114.162	10.973.114.162
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	25	192.503.849	192.503.849
(Lỗ lũy kế)/lợi nhuận chưa phân phối	420		(40.265.989.179)	289.643.613.527
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> <b>(440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.625.348.372.132</b>	<b>1.677.532.263.121</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính riêng này



**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01 – DN**

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	31/12/2013	31/12/2012
Ngoại tệ		
+ USD	11.995	16.163
+ EUR	577	588
+ GBP	-	165

Ngày 20 tháng 3 năm 2014

Người lập:



Đồng Thị Ngọc Triều  
Kế toán trưởng

Người duyệt:



La Văn Hoàng  
Tổng Giám đốc

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa**

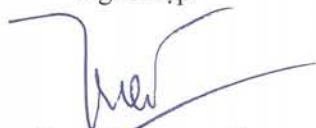
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**

**Mẫu B 02 – DN**

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2013 VND</b>	<b>2012 VND</b>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>01</b>	<b>26</b>	<b>1.758.432.840.854</b>	<b>1.685.007.095.150</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>	<b>26</b>	<b>415.957.398</b>	<b>545.729.372</b>
<b>Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>26</b>	<b>1.758.016.883.456</b>	<b>1.684.461.365.778</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>27</b>	<b>1.579.333.858.854</b>	<b>1.496.818.746.681</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>178.683.024.602</b>	<b>187.642.619.097</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	60.015.227.455	59.291.757.653
Chi phí tài chính	22	29	381.829.855.090	85.014.859.526
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		60.462.059.410	83.095.990.366
Chi phí bán hàng	24		48.964.669.863	35.310.195.934
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		99.678.489.348	46.489.216.782
<b>(Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}</b>	<b>30</b>		<b>(291.774.762.244)</b>	<b>80.120.104.508</b>
Thu nhập khác	31	30	21.550.832.296	118.039.497.012
Chi phí khác	32	31	21.388.608.247	104.664.177.459
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>162.224.049</b>	<b>13.375.319.553</b>
<b>(Lỗ)/lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>(291.612.538.195)</b>	<b>93.495.424.061</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>32</b>	<b>-</b>	<b>18.307.314.087</b>
<b>(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>32</b>	<b>(13.952.935.489)</b>	<b>1.885.668.628</b>
<b>(Lỗ)/lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>(277.659.602.706)</b>	<b>73.302.441.346</b>
<b>(Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>33</b>	<b>(5.314)</b>	<b>1.403</b>

Ngày 20 tháng 3 năm 2014

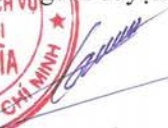
Người lập:



**Đồng Thị Ngọc Triều**  
Kế toán trưởng



Người duyệt:



**La Văn Hoàng**  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính riêng này

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

Mẫu B 03 – DN

	Mã số	Thuyết minh	2013 VND	2012 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
(Lỗ)/lợi nhuận trước thuế	01		(291.612.538.195)	93.495.424.061
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		44.143.698.265	48.043.675.130
Các khoản dự phòng	03		368.716.308.749	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04		(205.251.822)	(177.836.123)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(56.965.446.509)	(68.561.886.254)
Chi phí lãi vay	06		60.462.059.410	83.095.990.366
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>124.538.829.898</b>	<b>155.895.367.180</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(72.037.274.382)	150.176.227.321
Biến động hàng tồn kho	10		(26.906.492.818)	31.527.590.539
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		262.985.611.885	15.041.997.131
Biến động chi phí trả trước	12		(33.770.787.695)	(3.457.893.398)
			<b>254.809.886.888</b>	<b>349.183.288.773</b>
Tiền lãi vay đã trả	13		(60.507.678.423)	(84.418.701.186)
Thuế thu nhập đã nộp	14		(12.132.856.814)	(25.318.378.572)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	(4.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>182.169.351.651</b>	<b>239.442.209.015</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(23.672.375.054)	(4.831.485.068)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		17.241.818.184	112.505.873.883
Tiền chi đầu tư tiền gửi có thời hạn	23		(50.000.000.000)	-
Tiền cho các công ty con vay	23		(614.050.000.000)	(163.555.000.000)
Tiền thu hồi các khoản cho các công ty con vay	24		621.380.619.136	23.400.000.000
Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác	25		(69.000.000.000)	(29.400.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		11.349.199.996	791.625.251
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(106.750.737.738)</b>	<b>(61.088.985.934)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính riêng này*

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**  
**(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)**

Mẫu B 03 – DN

	Mã số	Thuyết minh	2013 VND	2012 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		1.726.841.186.877	1.496.026.668.038
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.705.398.111.582)	(1.593.801.462.833)
Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		(32.628.116.976)	(84.719.938.509)
Tiền trả cổ tức	36		(26.097.284.500)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(37.282.326.181)</b>	<b>(182.494.733.304)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>38.136.287.732</b>	<b>(4.141.510.223)</b>
<b>Tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>19.482.543.455</b>	<b>23.623.139.591</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền</b>	<b>61</b>		<b>203.553</b>	<b>914.087</b>
<b>Tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>5</b>	<b>57.619.034.740</b>	<b>19.482.543.455</b>

Ngày 20 tháng 3 năm 2014

Người lập:



Đồng Thị Ngọc Triều  
Kế toán trưởng



Người duyệt:



La Văn Hoàng  
Tổng Giám đốc



**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**

**Mẫu B 09 – DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là sản xuất nhựa, khuôn đúc, phụ tùng, nước tinh khiết, soda và nước ngọt; cung cấp các dịch vụ ký gửi và vận chuyển bằng xe ô-tô, in bao bì ngoại trừ bao bì kim loại.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty có 448 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 438 nhân viên).

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Các báo cáo tài chính này là báo cáo tài chính riêng của Công ty và không bao gồm báo cáo tài chính của các công ty con. Đầu tư vào các công ty con được phản ánh theo nguyên giá. Công ty lập các báo cáo tài chính hợp nhất trong đó hợp nhất các báo cáo của Công ty và của các công ty con và phát hành riêng.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Báo cáo tài chính được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

### **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

#### **(a) Ngoại tệ**

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

#### **(c) Các khoản đầu tư**

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Sau khi khoản dự phòng này được lập, nếu giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

#### **(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

#### **(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 25 năm
▪ thiết bị văn phòng	5 – 8 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm

**(g) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(f).

**(h) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.



**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**(ii) Phần mềm máy tính**

Giá mua của phần mềm máy tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 6 năm.

**(i) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(j) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”). Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

**(ii) Nhãn hiệu thương mại**

Nhãn hiệu thương mại được thể hiện theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

**(k) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

**(l) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.



**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**(m) Phân loại các công cụ tài chính**

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

**(i) Tài sản tài chính**

*Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

*Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà Công ty có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Các khoản tiền gửi kỳ hạn ngắn hạn (đầu tư ngắn hạn) được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các tài sản tài chính khác trong bảng cân đối kế toán được phân loại là các khoản cho vay và phải thu.

**(ii) *Nợ phải trả tài chính***

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Tổng Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
  - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Tất cả các khoản nợ phải trả tài chính trên bảng cân đối kế toán được phân loại là Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.



**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**(n) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(o) Doanh thu**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

**(ii) Cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(p) Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**(q) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

**(r) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**(s) Các công ty liên quan**

Các công ty liên quan bao gồm các công ty con và các công ty liên kết.



**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

**4. Báo cáo bộ phận**

**(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh**

Công ty hoạt động trong một hoạt động kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm nhựa.

**(b) Báo cáo bộ phận chia theo khu vực địa lý**

	Trong nước		Xuất khẩu		Tổng cộng	
	2013 VND	2012 VND	2013 VND	2012 VND	2013 VND	2012 VND
Doanh thu bán ra bên ngoài	1.437.458.282.499	1.545.805.362.836	320.558.600.957	138.656.002.942	1.758.016.883.456	1.684.461.365.778
Tài sản bộ phận	1.625.348.372.132	1.677.532.263.121	-	-	1.625.348.372.132	1.677.532.263.121
Chi tiêu vốn	23.672.375.054	4.831.485.068	-	-	23.672.375.054	4.831.485.068

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**5. Tiền**

	<b>31/12/2013</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2012</b> <b>VND</b>
Tiền mặt	456.616.605	331.495.782
Tiền gửi ngân hàng	57.162.418.135	19.151.047.673
	<hr/>	<hr/>
	57.619.034.740	19.482.543.455

**6. Đầu tư tài chính ngắn hạn**

	<b>31/12/2013</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2012</b> <b>VND</b>
Cho các công ty con vay (*)	523.655.000.000	530.985.619.136
Tiền gửi có kỳ hạn – ngắn hạn (**)	50.000.000.000	-
	<hr/>	<hr/>
	573.655.000.000	530.985.619.136
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	(184.855.000.000)	-
	<hr/>	<hr/>
	388.800.000.000	530.985.619.136

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn thể diện dự phòng được lập trong năm.

(\*) Khoản cho các công ty con vay không có đảm bảo và hưởng lãi suất năm từ 7% đến 9% (2012: 9% đến 17%).

(\*\*) Khoản tiền gửi kỳ hạn sáu tháng và hưởng lãi suất năm 7,5% trong năm.

**7. Phải thu ngắn hạn**

Trong phải thu ngắn hạn có các khoản phải thu các bên liên quan sau:

	<b>31/12/2013</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2012</b> <b>VND</b>
<b>Phải thu từ các công ty liên quan</b>		
Thương mại	28.251.143.833	24.956.112.559
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

Khoản thương mại phải thu từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn hoàn trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, các khoản phải thu khách hàng với giá trị ghi sổ là 92.101 triệu VND (31/12/2012: không VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (thuyết minh 22).

Các khoản phải thu khác bao gồm:

	<b>31/12/2013</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2012</b> <b>VND</b>
Thu nhập tiền lãi phải thu từ các công ty con	145.485.644.190	98.971.636.961
Phải thu khác	5.292.836.474	8.015.052.299
	<hr/>	<hr/>
	150.778.480.664	106.986.689.260

**8. Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2013</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2012</b> <b>VND</b>
Nguyên vật liệu	40.983.165.939	32.873.890.580
Công cụ và dụng cụ	1.305.895.048	1.459.218.718
Sản phẩm dở dang	1.593.962.190	534.415.804
Thành phẩm	13.477.679.764	12.609.318.248
Hàng hóa	2.279.590.981	384.158.845
Hàng gửi đi bán	15.127.201.091	-
	<hr/>	<hr/>
	74.767.495.013	47.861.002.195

**9. Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước**

	<b>31/12/2013</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2012</b> <b>VND</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp trả trước	12.132.856.814	-
Thuế khác	-	20.476.914
	<hr/>	<hr/>



**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

**10. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Thiết bị văn phòng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	29.813.588.612	7.244.418.491	281.365.540.174	14.605.715.388	333.029.262.665
Tăng trong năm	-	145.500.000	11.309.224.560	12.165.240.014	23.619.964.574
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuế tài chính	-	-	51.226.659.949	-	51.226.659.949
Thanh lý	(286.976.910)	(66.823.704)	(27.985.882.875)	(3.021.461.705)	(31.361.145.194)
Phân loại lại (*)	(35.708.629)	(1.533.859.932)	(1.858.806.747)	(134.153.925)	(3.562.529.233)
Số dư cuối năm	29.490.903.073	5.789.234.855	314.056.735.061	23.615.339.772	372.952.212.761
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	11.367.784.343	3.173.995.756	177.580.357.552	7.809.771.552	199.931.909.203
Khấu hao trong năm	1.499.026.008	1.069.903.316	19.991.977.422	1.763.846.597	24.324.753.343
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình thuế tài chính	-	-	17.641.395.693	-	17.641.395.693
Thanh lý	(222.190.704)	(66.136.881)	(11.397.867.773)	(1.535.370.936)	(13.221.566.294)
Phân loại lại (*)	(35.708.629)	(1.118.134.398)	(1.365.008.424)	(104.326.347)	(2.623.177.798)
Số dư cuối năm	12.608.911.018	3.059.627.793	202.450.854.470	7.933.920.866	226.053.314.147
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm	18.445.804.269	4.070.422.735	103.785.182.622	6.795.943.836	133.097.353.462
Số dư cuối năm	16.881.992.055	2.729.607.062	111.605.880.591	15.681.418.906	146.898.898.614

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

(\*) Việc phân loại lại này phản ánh giá trị còn lại của các tài sản cố định hiện có không đáp ứng một trong các tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định tại Điều 3, Thông tư 45, là có nguyên giá từ 30 triệu VND trở lên. Các tài sản này được phân loại lại là Chi phí trả trước dài hạn (thuyết minh 15).

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 113.533 triệu VND được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 94.159 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 83.394 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 113.518 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (thuyết minh 17).

## **11. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm	197.840.044.133
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(51.226.659.949)
	<hr/>
Số dư cuối năm	146.613.384.184
	<hr/>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	33.079.086.615
Khấu hao trong năm	18.823.481.507
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(17.641.395.693)
	<hr/>
Số dư cuối năm	34.261.172.429
	<hr/>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	164.760.957.518
Số dư cuối năm	112.352.211.755
	<hr/>

Công ty thuê một số thiết bị sản xuất theo các hợp đồng thuê tài chính khác nhau. Đến cuối giai đoạn thuê của từng hợp đồng thuê, Công ty có quyền lựa chọn mua lại những thiết bị này với giá ưu đãi. Thiết bị thuê được dùng để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê (thuyết minh 22).

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**12. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy tính VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	223.271.298.600	1.950.456.038	225.221.754.638
Phân loại lại (*)	-	(22.985.664)	(22.985.664)
Số dư cuối năm	223.271.298.600	1.927.470.374	225.198.768.974
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	4.614.186.123	1.082.184.204	5.696.370.327
Khấu hao trong năm	547.891.564	447.571.851	995.463.415
Phân loại lại (*)	-	(15.323.784)	(15.323.784)
Số dư cuối năm	5.162.077.687	1.514.432.271	6.676.509.958
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	218.657.112.477	868.271.834	219.525.384.311
Số dư cuối năm	218.109.220.913	413.038.103	218.522.259.016

(\*) Việc phân loại lại này phản ánh giá trị còn lại của các tài sản cố định hiện có không đáp ứng một trong các tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định tại Điều 3, Thông tư 45, là có nguyên giá từ 30 triệu VND trở lên. Các tài sản này được phân loại lại là Chi phí trả trước dài hạn (thuyết minh 15).

Trong quyền sử dụng đất có quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định với nguyên giá là 199.433 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 199.433 triệu VND) không tính khấu hao.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 quyền sử dụng đất với giá trị ghi sổ là 7.262 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 9.953 triệu VND) được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (thuyết minh 17).



**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**13. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2013 VND</b>	<b>2012 VND</b>
Số dư đầu năm	10.585.184.798	7.280.669.487
Tăng trong năm	52.410.480	44.226.293.923
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(823.721.396)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	-	(40.098.057.216)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>10.637.595.278</b>	<b>10.585.184.798</b>

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang gồm:

	<b>31/12/2013 VND</b>	<b>31/12/2012 VND</b>
Phần mềm ERP	7.409.391.026	7.356.980.546
Máy móc	2.707.500.252	2.707.500.252
Khác	520.704.000	520.704.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.637.595.278</b>	<b>10.585.184.798</b>

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

**14. Đầu tư vào công ty con**

	% sở hữu	31/12/2013 VND	% sở hữu	31/12/2012 VND
<b>Công ty con</b>				
Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông Á	95%	52.280.000.000	95%	52.280.000.000
Công ty Cổ phần PET Quốc tế (*)	98%	78.400.000.000	98%	78.400.000.000
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hồng Phú	90%	81.000.000.000	90%	81.000.000.000
Công ty Cổ phần nhựa P.E.T Việt Nam (**)	99%	116.005.724.000	99%	116.005.724.000
Công ty Cổ phần Nắp Quốc tế	79%	-	79%	-
Công ty Cổ phần Nắp Toàn cầu	99%	98.400.000.000	98%	29.400.000.000
		<hr/>		<hr/>
		426.085.724.000		357.085.724.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(133.280.000.000)		-
		<hr/>		<hr/>
		292.805.724.000		357.085.724.000
		<hr/>		<hr/>

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn thể diện dự phòng được lập trong năm.

- (\*) Khoản đầu tư này được thế chấp tại ngân hàng Vietcombank để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn cấp cho Công ty Cổ phần PET Quốc tế.
- (\*\*) Khoản đầu tư này được thế chấp tại ngân hàng Vietcombank theo mệnh giá 23.388 triệu VND để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn cấp cho Công ty Cổ phần nhựa P.E.T Việt Nam.

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông Á**

Giấy phép đầu tư số 4503000074 ngày 25 tháng 9 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp. Lĩnh vực hoạt động chính là sản xuất, kinh doanh bánh kẹo và thực phẩm.

**Công ty Cổ phần PET Quốc tế**

Giấy phép đầu tư số 4103006864 ngày 8 tháng 7 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Lĩnh vực hoạt động chính là sản xuất các sản phẩm từ nhựa, buôn bán nguyên liệu hóa chất và các sản phẩm từ nhựa, các loại phụ tùng, khuôn mẫu và thiết bị công nghiệp.

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Hồng Phú**

Giấy phép đầu tư số 3400811368 ngày 20 tháng 8 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Thuận cấp. Lĩnh vực hoạt động chính là sản xuất thủy sản, nước chấm, sữa và các sản phẩm liên quan, nước uống không cồn; sản xuất các sản phẩm nhựa.

**Công ty Cổ phần nhựa P.E.T Việt Nam**

Giấy phép đầu tư số 0301466108 ngày 7 tháng 7 năm 1998 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Lĩnh vực hoạt động chính là sản xuất các bao bì nhựa.

**Công ty Cổ phần Nắp Quốc tế**

Giấy phép đầu tư số 3901021836 ngày 13 tháng 12 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp. Lĩnh vực hoạt động chính là sản xuất các sản phẩm nhựa và cấu kiện kim loại. Công ty sở hữu gián tiếp công ty con này.

**Công ty Cổ phần Nắp Toàn cầu**

Giấy phép đầu tư số 452031000179 ngày 24 tháng 5 năm 2012 do Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh Tây Ninh cấp. Lĩnh vực hoạt động chính của công ty sản xuất các sản phẩm nhựa và cấu kiện kim loại.

**15. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Công cụ và dụng cụ VND</b>	<b>Nhãn hiệu thương mại (**) VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Số dư đầu năm	471.010.417	-	471.010.417
Tăng trong năm	996.574.270	32.025.000.000	33.021.574.270
Phân loại lại từ tài sản cố định (*)	947.013.315	-	947.013.315
Phân bổ trong năm	(991.807.612)	-	(991.807.612)
	<b>1.422.790.390</b>	<b>32.025.000.000</b>	<b>33.447.790.390</b>

(\*) Việc phân loại lại từ tài sản cố định phản ánh giá trị còn lại của các tài sản hiện có không đáp ứng một trong các tiêu chuẩn để ghi nhận là tài sản cố định, là tiêu chuẩn có nguyên giá từ 30 triệu VND trở lên, theo quy định tại Điều 3 Thông tư 45. Các tài sản này được phân loại lại từ tài sản cố định hữu hình và vô hình trong kỳ (thuyết minh 10 và thuyết minh 12). Giá trị còn lại của các tài sản này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính còn lại nhưng không quá ba năm.

(\*\*) Khoản này phản ánh giá trị nhãn hiệu thương mại mua lại từ Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông Á và Công ty Cổ phần Thực phẩm Hồng Phú, các công ty con.



**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

**16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ghi nhận trên:		
Giá trị thuế của các khoản lỗ mang sang	13.860.316.387	-
Chi phí phải trả	92.619.102	-
	<u>13.952.935.489</u>	<u>-</u>

**17. Vay ngắn hạn**

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Vay ngắn hạn	534.007.038.667	439.631.871.391
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả (thuyết minh 22)	23.117.604.397	46.403.542.494
	<u>557.124.643.064</u>	<u>486.035.413.885</u>

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Ngân hàng Vietcombank	VND	7,0%	316.561.877.376	276.978.172.336
Ngân hàng Vietcombank	USD	3,8%	81.632.929.291	72.086.625.338
Ngân hàng HSBC	VND	8,0%	57.812.232.000	41.491.509.557
Ngân hàng HSBC	USD	5,5%	-	1.075.564.160
Các công ty liên quan	VND	7,0%-7,5%	78.000.000.000	48.000.000.000
			<u>534.007.038.667</u>	<u>439.631.871.391</u>

Khoản vay từ ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình với giá trị ghi sổ lần lượt là 83.394 triệu VND và 7.262 triệu VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 (ngày 31 tháng 12 năm 2012: tài sản cố định hữu hình là 56.578 triệu VND và tài sản cố định vô hình là 9.953 triệu VND) (thuyết minh 10 và thuyết minh 12).

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

**18. Phải trả người bán**

Trong phải trả người bán có các khoản phải trả các bên liên quan như sau:

	<b>31/12/2013</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2012</b> <b>VND</b>
Phải trả các công ty liên quan	197.631.440.584	84.835.876.672

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**19. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước**

	<b>31/12/2013</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2012</b> <b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	141.224.050	141.344.796
Thuế nhập khẩu	-	14.470.522
Thuế thu nhập cá nhân	324.844.174	291.766.211
	<b>466.068.224</b>	<b>447.581.529</b>

**20. Chi phí phải trả**

	<b>31/12/2013</b> <b>VND</b>	<b>31/12/2012</b> <b>VND</b>
Lãi vay phải trả	742.327.274	9.028.918.511
Lương và thưởng	4.056.492.334	3.461.629.292
Chi phí khác	581.365.671	620.728.177
	<b>5.380.185.279</b>	<b>13.111.275.980</b>

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

**21. Các khoản phải trả khác**

	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Lãi vay phải trả	9.244.472.224	1.003.500.000
Cổ tức phải trả	26.152.715.500	-
Đặt cọc từ khách hàng	-	1.329.642.205
Các khoản phải trả khác	1.351.494.097	1.731.932.309
	<hr/>	<hr/>
	36.748.681.821	4.065.074.514

**22. Vay và nợ dài hạn**

		31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Vay dài hạn	(a)	59.745.000.000	32.930.976.200
Trái phiếu doanh nghiệp dài hạn		-	100.000.000.000
Nợ thuê tài chính	(b)	46.460.331.948	79.088.448.924
		<hr/>	<hr/>
		106.205.331.948	212.019.425.124
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (thuyết minh 17)		(23.117.604.397)	(46.403.542.494)
		<hr/>	<hr/>
Hoàn trả sau 12 tháng		83.087.727.551	165.615.882.630

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn và nợ thuê tài chính như sau:

**(a) Vay dài hạn**

	Loại tiền tệ	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
Ngân hàng An Bình	VND	15,5%	2013	-	105.000.000
Ngân hàng An Bình	VND	15,5%	2014	-	9.353.230.000
Ngân hàng Bảo Việt	VND	15,0%	2014	-	2.808.889.400
Ngân hàng Bảo Việt	VND	15,0%	2014	-	4.843.631.800
Ngân hàng Bảo Việt	VND	15,0%	2014	-	1.134.000.000
Ngân hàng Bảo Việt	VND	15,0%	2014	-	68.725.000
Ngân hàng HSBC	VND	10,8%	2015	9.745.000.000	14.617.500.000
Một công ty liên quan	VND	7,5%	2016	50.000.000.000	-
				<hr/>	<hr/>
				59.745.000.000	32.930.976.200



**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

Các khoản vay từ ngân hàng HSBC được đảm bảo bởi các tài sản của Công ty như sau:

	<b>Giá trị ghi sổ tại ngày</b>	
	<b>31/12/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu khách hàng (thuyết minh 7)	92.100.615.067	-
Tài sản cố định hữu hình (thuyết minh 10)	-	56.940.000.000

**(b) Nợ thuê tài chính**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính trong tương lai như sau:

	<b>31/12/2013</b>		
	<b>VND</b>		
	<b>Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính</b>	<b>Trả tiền lãi thuê</b>	<b>Trả nợ gốc</b>
Trong vòng một năm	22.900.032.880	4.654.928.483	18.245.104.397
Từ hai đến năm năm	32.536.182.135	4.320.954.584	28.215.227.551
	55.436.215.015	8.975.883.067	46.460.331.948

	<b>31/12/2012</b>		
	<b>VND</b>		
	<b>Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính</b>	<b>Trả tiền lãi thuê</b>	<b>Trả nợ gốc</b>
Trong vòng một năm	41.398.152.745	9.278.750.251	32.119.402.494
Từ hai đến năm năm	57.471.456.840	10.502.410.410	46.969.046.430
	98.869.609.585	19.781.160.661	79.088.448.924

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, không có nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ (ngày 31 tháng 12 năm 2012: 3.568 triệu VND).

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

**23. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu ngân quỹ VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	(Lỗ lũy kế)/lợi phôi chưa phân VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2012</b>	522.500.000.000	46.900.000.000	(780.000)	10.973.114.162	192.503.849	216.341.172.181	796.906.010.192
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	73.302.441.346	73.302.441.346
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013</b>	522.500.000.000	46.900.000.000	(780.000)	10.973.114.162	192.503.849	289.643.613.527	870.208.451.538
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	-	-	(277.659.602.706)	(277.659.602.706)
Cổ tức (thuyết minh 25)	-	-	-	-	-	(52.250.000.000)	(52.250.000.000)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013</b>	522.500.000.000	46.900.000.000	(780.000)	10.973.114.162	192.503.849	(40.265.989.179)	540.298.848.832

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

**24. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2013		31/12/2012	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	52.250.000	522.500.000.000	52.250.000	522.500.000.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	52.250.000	522.500.000.000	52.250.000	522.500.000.000
<b>Cổ phiếu quỹ</b>				
Cổ phiếu phổ thông	(78)	(780.000)	(78)	(780.000)
<b>Số cổ phiếu hiện đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	52.249.922	522.499.220.000	52.249.922	522.499.220.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, danh sách các cổ đông của Công ty như sau:

	Số cổ phiếu	%
Ông La Văn Hoàng	15.822.496	30,14%
Bà Bùi Bích Hồng	9.746.823	18,57%
Bà La Bùi Hồng Ngọc	9.586.963	18,26%
Red River Holding	5.637.874	10,74%
Các cổ đông khác	11.455.766	22,29%
	52.249.922	100%

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**25. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu**

**(i) Quỹ dự phòng tài chính**

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Các quỹ này được thành lập như dự phòng cho các rủi ro kinh doanh chung trong tương lai của Công ty.

**(ii) Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu**

Được phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối căn cứ trên tỷ lệ phần trăm do cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên. Quỹ này dùng cho chi phí Hội đồng Quản trị Công ty.

**26. Cổ tức**

Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông của Công ty ngày 24 tháng 4 năm 2013 quyết định phân phối khoản cổ tức 52.250 triệu VND (2012: không VND).

**27. Doanh thu**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>2013 VND</b>	<b>2012 VND</b>
Tổng doanh thu		
Hàng hóa đã bán	1.757.405.046.456	1.684.226.610.648
Dịch vụ đã cung cấp	1.027.794.398	780.484.502
	<hr/>	<hr/>
	1.758.432.840.854	1.685.007.095.150
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	(415.957.398)	(545.729.372)
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	1.758.016.883.456	1.684.461.365.778



**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**28. Giá vốn hàng bán**

	<b>2013 VND</b>	<b>2012 VND</b>
Thành phẩm đã bán	490.039.287.826	530.025.739.980
Hàng hóa đã bán	1.089.027.282.466	966.112.238.211
Dịch vụ đã cung cấp	267.288.562	680.768.490
	<hr/>	<hr/>
	1.579.333.858.854	1.496.818.746.681

**29. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2013 VND</b>	<b>2012 VND</b>
Lãi tiền gửi	47.806.367.225	57.797.976.799
Cổ tức	10.056.840.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.844.063.666	1.283.454.567
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	205.251.822	177.836.123
Doanh thu hoạt động tài chính khác	102.704.742	32.490.164
	<hr/>	<hr/>
	60.015.227.455	59.291.757.653

**30. Chi phí tài chính**

	<b>2013 VND</b>	<b>2012 VND</b>
Chi phí lãi vay	60.462.059.410	83.095.990.366
Dự phòng giảm giá đầu tư	318.135.000.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.169.641.466	1.918.869.160
Chi phí khác	63.154.214	-
	<hr/>	<hr/>
	381.829.855.090	85.014.859.526

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

**31. Thu nhập khác**

	<b>2013 VND</b>	<b>2012 VND</b>
Thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	17.241.818.184	112.505.873.883
Thu nhập khác	4.309.014.112	5.533.623.129
	<u>21.550.832.296</u>	<u>118.039.497.012</u>

**32. Chi phí khác**

	<b>2013 VND</b>	<b>2012 VND</b>
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã thanh lý	18.139.578.900	101.741.964.428
Chi phí khác	3.249.029.347	2.922.213.031
	<u>21.388.608.247</u>	<u>104.664.177.459</u>

**33. Thuế thu nhập**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>2013 VND</b>	<b>2012 VND</b>
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện hành	-	18.307.314.087
<b>(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(92.619.102)	1.885.668.628
Lợi ích của lỗ tính thuế được ghi nhận	(13.860.316.387)	-
	<u>(13.952.935.489)</u>	<u>20.192.982.715</u>

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2013 VND</b>	<b>2012 VND</b>
(Lỗ)/lợi nhuận trước thuế	(291.612.538.195)	93.495.424.061
Thuế theo thuế suất Công ty	(72.903.134.549)	23.373.856.015
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác	9.014.878.475	(3.516.131.546)
Chi phí không được khấu trừ thuế	653.542.660	335.258.246
Thu nhập không bị tính thuế	(2.514.210.000)	-
	(65.748.923.414)	20.192.982.715
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	51.795.987.925	-
	(13.952.935.489)	20.192.982.715

**(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	<b>31/12/2013</b>	
	<b>Chênh lệch tạm thời VND</b>	<b>Giá trị tính thuế VND</b>
Các chênh lệch tạm thời được khấu trừ	235.436.308.749	51.795.987.925

Theo các quy định thuế hiện hành chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị hết hiệu lực. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

**(d) Thuế suất áp dụng**

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 25% trên lợi nhuận tính thuế, ngoại trừ đối với các hoạt động tại nhà máy của Công ty ở huyện Củ Chi chịu thuế 15%.

Ngày 19 tháng 6 năm 2013, Quốc Hội đã thông qua Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, mức thuế suất thuế thu nhập cao nhất được giảm từ 25% xuống 22% cho năm 2014 và 2015, và giảm tiếp xuống 20% từ năm 2016.

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

**34. (Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền tại ngày kết thúc năm, được tính như sau:

**(i) (Lỗ)/lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	<b>2013 VND</b>	<b>2012 VND</b>
(Lỗ)/lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông	(277.659.602.706)	73.302.441.346

**(ii) Số cổ phiếu bình quân gia quyền**

	<b>2013</b>	<b>2012</b>
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	52.249.922	52.249.922
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cuối năm	52.249.922	52.249.922

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Công ty không có các cổ phần có tác động suy giảm tiềm ẩn.



### 35. Các công cụ tài chính

#### (a) Quản lý rủi ro tài chính

##### (i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

##### (ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, Công ty hướng đến phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

#### (b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và các khoản cho các công ty con vay.

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng**

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính và giá trị của các hợp đồng bảo lãnh tài chính đã phát hành thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2013 VND</b>	<b>31/12/2012 VND</b>
Tiền gửi ngân hàng	(ii)	57.162.418.135	19.151.047.673
Đầu tư ngắn hạn (tiền gửi kỳ hạn ngắn hạn)	(ii)	50.000.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn (cho các công ty con vay)	(iii)	338.800.000.000	530.985.619.136
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(iv)	220.548.930.815	175.427.215.144
Hợp đồng bảo lãnh đã phát hành	(v)	450.360.273.278	300.490.604.674
		<b>1.116.871.622.228</b>	<b>1.026.054.486.627</b>

**(ii) Tiền gửi ngân hàng và tiền gửi kỳ hạn ngắn hạn**

Tiền gửi ngân hàng và tiền gửi kỳ hạn ngắn hạn của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

**(iii) Cho các công ty con vay**

Các khoản cho các công ty con vay nhằm hỗ trợ các công ty này trong giai đoạn phát triển. Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng các khoản cho vay này có thể thu hồi khi các công ty con hoạt động hết công suất.

**(iv) Phải thu khách hàng và phải thu khác**

Rủi ro tín dụng của Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi khách hàng, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Tổng Giám đốc. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 60 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá 60 ngày được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm. Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Công ty. Ban Tổng Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

Tuổi nợ của các khoản phải thu thương mại và phải thu khác đã quá hạn nhưng không giảm giá tại thời điểm cuối năm như sau:

	<b>31/12/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	7.829.650.615	10.129.412.738
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	15.173.601.256	1.714.187.164
Quá hạn trên 180 ngày	4.280.170.819	1.082.215.512
	<b>27.283.422.690</b>	<b>12.925.815.414</b>

Biến động dự phòng phải thu khó đòi thể hiện dự phòng được lập trong năm.

**(v) Bảo lãnh**

Chính sách của Công ty là cung cấp các bảo lãnh tài chính cho các công ty con. Tại ngày báo cáo, các khoản bảo lãnh chưa thanh toán như sau:

<b>Bảo lãnh</b>	<b>Bảo lãnh cho các khoản vay cấp cho</b>	<b>Số dư tại ngày</b>	
		<b>31/12/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
		<b>VND</b>	<b>VND</b>
Ngân hàng Tiên Phong và Đại Dương	Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông Á	-	19.994.957.846
Ngân hàng HSBC	Công ty Cổ phần PET Quốc tế	-	3.668.019.300
Ngân hàng Bảo Việt	Công ty Cổ phần Thực phẩm Hồng Phú	71.622.051.183	106.332.827.183
Ngân hàng An Bình	Công ty Cổ phần PET Quốc tế	-	31.319.174.637
Ngân hàng Vietcombank	Công ty Cổ phần PET Quốc tế	185.272.247.744	100.000.000.000
	Công ty Cổ phần Nhựa P.E.T		
Ngân hàng Vietcombank	Việt Nam	52.500.033.112	32.481.791.558
Ngân hàng Vietcombank	Công ty Cổ phần Nắp Toàn cầu	140.965.941.239	6.693.834.150
		<b>450.360.273.278</b>	<b>300.490.604.674</b>



**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 - DN**

**(c) Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

**Ngày 31 tháng 12 năm 2013**

	<b>Giá trị ghi sổ VND</b>	<b>Dòng tiền theo hợp đồng VND</b>	<b>Trong vòng 1 năm VND</b>	<b>1 - 2 năm VND</b>	<b>2 - 5 năm VND</b>
Phải trả người bán và phải trả khác	272.871.396.793	272.871.396.793	272.871.396.793	-	-
Vay ngắn hạn	534.007.038.667	548.089.247.217	548.089.247.217	-	-
Vay dài hạn	59.745.000.000	72.084.570.583	5.648.689.250	5.071.298.000	61.364.583.333
Nợ thuê tài chính	46.460.331.948	55.436.215.015	22.900.032.880	14.727.548.569	17.808.633.566
	913.083.767.408	948.481.429.608	849.509.366.140	19.798.846.569	79.173.216.899

**Ngày 31 tháng 12 năm 2012**

	<b>Giá trị ghi sổ VND</b>	<b>Dòng tiền theo hợp đồng VND</b>	<b>Trong vòng 1 năm VND</b>	<b>1 - 2 năm VND</b>	<b>2 - 5 năm VND</b>
Phải trả người bán và phải trả khác	118.311.683.797	118.311.683.797	118.311.683.797	-	-
Vay ngắn hạn	439.631.871.391	449.863.332.841	449.863.332.841	-	-
Vay dài hạn	32.930.976.200	38.609.718.545	18.022.848.708	15.433.930.393	5.152.939.444
Trái phiếu dài hạn	100.000.000.000	122.130.902.778	15.375.000.000	106.755.902.778	-
Nợ thuê tài chính	79.088.448.924	98.869.609.585	41.398.152.745	24.146.548.949	33.324.907.891
	769.962.980.312	827.785.247.546	642.971.018.091	146.336.382.120	38.477.847.335



**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**(d) Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

**(i) Rủi ro hối đoái**

Công ty có rủi ro hối đoái từ các giao dịch bán, mua và vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty. Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là USD.

Rủi ro tỷ giá hối đoái của Công ty được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tỷ giá hối đoái ngắn hạn vượt mức cho phép.

*Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái*

Tại ngày báo cáo, Công ty có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá hối đoái như sau:

	31/12/2013 USD	31/12/2012 USD
Tiền	11.995	16.163
Phải thu khách hàng	784.787	114.682
Phải trả người bán	(53.043)	(60.338)
Vay ngắn hạn	(3.873.081)	(3.515.385)
Nợ thuê tài chính	-	(171.439)
	(3.129.342)	(3.616.317)

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Công ty áp dụng:

	Tỷ giá tại ngày 31/12/2013 VND	31/12/2012 VND
1 USD	21.077	20.812

Các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày báo cáo là không trọng yếu. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm.

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**(ii) *Rủi ro lãi suất***

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính chịu lãi suất của Công ty như sau. Công ty không có chính sách gì để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất.

	<b>Giá trị ghi sổ</b>	
	<b>31/12/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các công cụ tài chính có lãi suất cố định</b>		
Đầu tư ngắn hạn (tiền gửi kỳ hạn ngắn hạn)	50.000.000.000	-
Nợ thuê tài chính	(46.460.331.948)	(79.088.448.924)
	<hr/>	<hr/>
	3.539.668.052	(79.088.448.924)
	<hr/>	<hr/>
<b>Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi</b>		
Tiền	57.162.418.135	19.151.047.673
Đầu tư ngắn hạn (cho các công ty con vay)	338.800.000.000	530.985.619.136
Vay ngắn hạn	(534.007.038.667)	(439.631.871.391)
Vay dài hạn	(59.745.000.000)	(32.930.976.200)
Trái phiếu doanh nghiệp dài hạn	-	(100.000.000.000)
	<hr/>	<hr/>
	(197.789.620.532)	(22.426.180.782)
	<hr/>	<hr/>

Nếu lãi suất thị trường tăng 100 điểm sẽ làm giảm 713 triệu VND (2012: tăng 1.915 triệu VND lợi nhuận thuần) lợi nhuận thuần của Công ty. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**(e) Giá trị hợp lý**

Giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	<b>Giá trị ghi sổ</b>	
	<b>31/12/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:		
- Đầu tư ngắn hạn (tiền gửi kỳ hạn ngắn hạn)	50.000.000.000	-
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:		
- Tiền	57.619.034.740	19.151.047.673
- Đầu tư ngắn hạn (cho các công ty con vay)	338.800.000.000	530.985.619.136
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	220.548.930.815	175.427.215.144
	<b>616.967.965.555</b>	<b>725.895.377.735</b>
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:		
- Phải trả người bán và phải trả khác	(272.871.396.793)	(118.311.683.797)
- Vay ngắn hạn	(534.007.038.667)	(439.631.871.391)
- Vay dài hạn	(59.745.000.000)	(32.930.976.200)
- Trái phiếu	-	(100.000.000.000)
- Nợ thuê tài chính	(46.460.331.948)	(79.088.448.924)
	<b>(913.083.767.408)</b>	<b>(769.962.980.312)</b>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**36. Các hoạt động đầu tư và tài chính phi tiền tệ**

	<b>2013</b>	<b>2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Bán tài sản cố định hữu hình và thuê lại dưới dạng thuê tài chính	-	69.032.681.458
Xây dựng cơ bản dở dang thuê tài chính	-	40.098.057.216

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

**37. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

<b>Công ty liên quan</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>2013 VND</b>	<b>2012 VND</b>
Công ty Cổ phần Thực phẩm Đông Á	Cho vay	205.800.000.000	26.955.000.000
	Mua hàng hóa	135.890.644	138.546.987
	Mua tài sản cố định	600.000.000	-
	Mua nhãn hiệu thương mại	15.750.000.000	-
	Bán hàng hóa	52.830.000	91.478.000
	Cho mượn	-	2.650.000.000
	Thu nhập cho thuê	50.000.000	150.000.000
	Thu nhập lãi cho vay	14.501.235.699	18.381.219.996
Công ty Cổ phần PET Quốc tế	Vay	58.000.000.000	51.000.000.000
	Mượn	-	33.000.000.000
	Chi phí lãi vay	5.035.833.336	1.003.500.000
	Bán hàng hóa	251.053.237.320	497.474.800.247
	Mua hàng hóa	165.027.341.144	338.622.235.581
	Hàng bán bị trả lại	-	521.365.856
	Thu nhập cho thuê	120.000.000	493.000.000
	Chi phí thuê phải trả	245.000.000	420.000.000
Công ty Cổ phần Thực phẩm Hồng Phú	Mua tài sản cố định hữu hình	4.230.952.233	-
	Cho vay	408.250.000.000	121.600.000.000
	Vay	-	50.000.000
	Thu nhập cho thuê	390.000.000	120.000.000
	Chi phí thuê phải trả	228.000.000	174.000.000
	Bán hàng hóa	3.618.141.959	248.140.100
	Mua hàng hóa	200.366.694	59.049.204
	Mua tài sản cố định	-	41.666.672
	Mua nhãn hiệu thương mại	16.275.000.000	-
	Thu nhập lãi cho vay	32.123.624.857	37.832.631.552



**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

<b>Công ty liên quan</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>2013 VND</b>	<b>2012 VND</b>
Công ty Cổ phần Nhựa P.E.T Việt Nam	Thường	-	680.768.490
	Vay	10.000.000.000	-
	Bán hàng hóa	126.794.827.403	128.540.319.274
	Mua hàng hóa	143.712.758.961	165.332.435.019
	Hàng bán bị trả lại	6.514.261	6.181.617
	Thu nhập cổ tức	10.056.840.000	-
	Thanh lý phế liệu, công cụ và dụng cụ	-	760.798.137
	Thanh lý tài sản cố định	-	40.537.425
	Chi phí lãi vay	598.472.220	-
	Chi phí thuê phải trả	633.783.150	1.521.079.560
	Mua tài sản cố định hữu hình	-	56.538.567
	Ký quỹ	-	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Nắp Toàn cầu	Bán hàng hóa	271.683.121.300	16.111.838.400
	Mua hàng hóa	348.869.059.404	29.573.722.594
	Thu nhập cho thuê	3.360.000.000	1.680.000.000
	Chi phí lãi vay	2.606.666.668	-
	Mượn	-	18.000.000.000
	Vay	68.000.000.000	-
	Góp vốn	69.000.000.000	29.400.000.000
Công ty Cổ phần Nắp Quốc tế	Bán hàng hóa	-	75.083.971.000
	Mua hàng hóa	-	37.211.266.000
	Thu nhập cho thuê	-	1.120.000.000
	Cho vay	-	15.000.000.000
	Thu nhập lãi cho vay	-	792.500.000
Thành viên Ban Giám Đốc và Hội đồng Quản trị			
	Lương và thưởng	7.222.042.000	9.177.650.000

**Công ty Cổ phần Công nghiệp - Dịch vụ - Thương mại Ngọc Nghĩa**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013**  
**(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

**38. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	2013 VND	2012 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	318.500.916.838	432.648.914.986
Giá vốn hàng hóa đã bán	1.089.027.282.466	966.102.592.540
Chi phí nhân công và nhân viên	64.899.389.695	56.527.478.490
Chi phí khấu hao và phân bổ	44.143.698.265	48.043.675.130
Chi phí khác	131.827.419.732	68.237.035.361

Ngày 20 tháng 3 năm 2014

Người lập:

  
 Đồng Thị Ngọc Triều  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

  
 La Văn Hoàng  
 Tổng Giám đốc

